

Số: 481/2024/QĐST-HNGĐ

Đông Đa, ngày 10 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐÔNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 440/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024, về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”.

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- **Ông Phạm Ngọc T**, sinh năm 1969; Nơi ĐKKHKT và cư trú: Số x ngõ y K, phường T, quận Đ, thành phố H.

- **Bà Phùng Tổ M**, sinh năm 1976; Nơi ĐKKHKT và cư trú: Số x ngõ y K, phường T, quận Đ, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Ngọc T và bà Phùng Tổ M kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận Đ, Thành phố H ngày 18/7/1995. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống bất đồng. Ông T, bà M đã cố gắng hàn gắn khắc phục nhưng không có kết quả. Nay ông T, bà M xác định tình cảm vợ chồng không còn, cùng yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận sự thuận tình ly hôn. Như vậy thấy, mâu thuẫn giữa ông Phạm Ngọc T và bà Phùng Tổ M thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của ông bà và cho ông bà được thuận tình ly hôn theo Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Ông T, bà M xác nhận vợ chồng có 03 con chung, là chị Phạm Ngọc T (nữ), sinh ngày 17/4/1995, chị Phạm M V (nữ), sinh ngày 18/4/2004 và Phạm Hà M (nữ), sinh ngày 02/12/2014. Ly hôn, ông T, bà M thỏa thuận: Ông T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Hà M, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với bà M vì ông T chưa yêu cầu. Chị Phạm Ngọc T và chị Phạm M V đã trưởng thành nên không xem xét.

Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Ông T, bà M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Ông T, bà M xác nhận ông bà không nợ ai và không cho ai vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí: Ông T, bà M tự nguyện thỏa thuận để ông T nộp cả tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Ngọc T và bà Phùng Tố M.

- **Về con chung:** Ông T, bà M xác nhận vợ chồng có 03 con chung, là chị Phạm Ngọc T (nữ), sinh ngày 17/4/1995, chị Phạm M V (nữ), sinh ngày 18/4/2004 và Phạm Hà M (nữ), sinh ngày 02/12/2014. Ly hôn ông T, bà M thỏa thuận: Ông T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Hà M, tạm hoãn việc dưỡng nuôi con chung đối với bà M vì ông T chưa yêu cầu. Chị Phạm Ngọc T và chị Phạm M V đã trưởng thành nên không xem xét.

Bà M được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

- **Về tài sản chung** (động sản, bất động sản): Ông T, bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

- **Về nợ:** Ông T, bà M xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự tự nguyện của ông T chịu cả 300.000 đồng tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm, ông T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000001296887 ngày 29 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đ nay được trừ vào tiền lệ phí ly hôn. Xác nhận ông T đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Đ;
- UBND phường H, quận Đ, thành phố H;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Dương Thị Bạch Phượng